TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM TÂN** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11.5.2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Dũng

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phạm Hữu Ái và bà Trần Thị Ngọ

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hồ Thị Thương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân – Bình Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thanh Th, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Phạm Thanh D, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh B.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02 đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trọng Vũ, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Hàm Tân, Bình Thuận là người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Hàm Tân, Bình Thuận (Văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 6 năm 2014 và Văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 12 năm 2017) (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Â, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Phan Thị Thanh Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Phạm Thanh D tại Ủy ban nhân dân xã T, huyệnH, tỉnh B vào ngày 02/12/2003 (Giấy đăng ký số 116/2003). Sau khi đăng ký kết hôn về sống chung thì phát sinh mâu thuẫn, do anh D thường xuyên đánh đập, sĩ nhục chị. Nay chị Th xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn nên chị xin ly hôn với anh D.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Yến Nh, sinh ngày 14/6/2004 và Phạm Thành Tr, sinh ngày 11/02/2009; nếu ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi hai con chung vì chị làm nghề uốn tóc có thời gian chăm sóc con tốt hơn anh D làm nghề tài xế đi làm từ 23 giờ đêm; yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi cháu Tr 2.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu Trí đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về chia tài sản: Vợ chồng có một căn nhà gắn liền quyền sử dụng thửa đất số 47, tờ bản đồ số 04, diện tích 400m^2 tại xã T (nay là xã TH), huyện H, tỉnh B; một xe ô tô biển kiểm soát 53S-1XX8. Chị xác định nhà gắn liền thửa đất số 47 và xe ô tô là tài sản chung của chị và anh D. Chị đề nghị chia đôi số tài sản trên. Ngày 06/3/2018 chị Th làm đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ngày 25/7/2016 vợ chồng chị có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Hàm Tân, Bình Thuận 150.000.000 đồng đã trả được 50.000.000đồng, hiện nay vợ chồng chị còn thiếu 100.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh. Ngày 21/4/2017 vợ chồng chị có vay của bà Nguyễn Thị Â số tiền 400.000.000 đồng đến tháng 6/2017 đã trả được 100.000.000 đồng, hiện còn thiếu bà Â 300.000.000 đồng, chị yêu cầu chia đôi số nợ trên mỗi người một nửa.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Thanh D trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Phan Thị Thanh Th trình bày là đúng. Trong thời gian sống chung anh chị có xảy ra cải nhau về chuyện làm ăn, anh có đánh chị Th dẫn đến hai bên có chửi bới lẫn nhau và công an xã có đến làm việc. Nay chị Th yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương chị, nếu ly hôn thì không có ai dạy bảo con cái.

Về con chung: Anh và chị Th có 02 con chung. Anh làm nghề tài xế có thu nhập ổn định. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng.

Về tài sản: Anh tự thỏa thuận với chị Th, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh thừa nhận và thống nhất với chị Th là hiện nay còn thiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện H, tỉnh B 100.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh; thiếu bà Nguyễn Thị Â số tiền 300.000.000 đồng.

Tại bản tự khai đề ngày 10 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam anh Nguyễn Trọng Vũ trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng số 4802*LAV20160* ngày 25/7/2016 thì vợ chồng anh Phạm Thanh D và chị Phan Thị Thanh Th có vay của Ngân hàng 150.000.000 đồng, dư nợ đến nay là 100.000.000 đồng và lãi phát sinh. Tuy nhiên, hiện nay các khoản nợ trên chưa đến hạn và vợ chồng anh D chị Th cũng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng nên Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết việc trả nợ vay của vợ chồng anh D, chị Th.

Tại đơn yêu cầu đề ngày 06 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Â trình bày:

Ngày 21/4/2017 bà có cho vợ chồng anh D, chị Th vay số tiền 400.000.000 đồng, đến tháng 6/2017 đã trả được cho bà 100.000.000 đồng, hiện nay còn thiếu 300.000.000 đồng. Nay vợ chồng anh D, chị Th ly hôn nên bà có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh D, chị Th trả cho bà 300.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà yêu cầu buộc vợ chồng anh D, chị Th trả lãi cho bà từ ngày 20/3/2018 cho đến ngày xét xử là 5.000.000đồng và lãi suất phát sinh cho đến khi trả hết số nợ trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã tuân theo đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thấy rằng: Về hôn nhân chị Phan Thị Thanh Th và anh Phạm Thanh D tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh B vào ngày 02/12/2003. Trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã và có lần anh D đánh đập chị Th nên tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung: Anh D làm nghề lái xe khách nên ít có thời gian ở nhà để chăm sóc con chung, trong khi đó chị Th làm nghề uốn tóc, thường xuyên ở nhà nên có điều kiện để chăm sóc con chung do đó cần giao 02 con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh D phải cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho cháu Tr, chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Â buộc anh D và chị Th phải trả cho bà Â 300.000.000đồng tiền gốc và 5.000.000đồng tiền lãi được chia phần cho mỗi người là 152.500.000 đồng. Về khoản nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì Ngân hàng không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân nhận định:

Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: HĐXX thấy rằng đây là tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[1]. *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Phan Thị Thanh Th và anh Phạm Thanh D là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do giữa hai vợ chồng thường xãy ra cãi vả nhau và anh D đã có hành vi bạo lực gia đình nên chị không thể tiếp tục sống chung được với anh D. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh D. Anh D cũng thừa nhận trong thời gian sống chung anh có đánh chị, cải vã chửi bới lẫn nhau đến mức phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp. HĐXX xét thấy hôn nhân của hai anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay hai bên đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho anh D nhưng anh không có mặt tại phiên tòa, việc anh D vắng mặt không có ly do là từ bỏ quyền tham gia tố tụng và chứng minh do đó lời trình bày của chị Th là có căn cứ. Vì vậy, lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân là có căn cứ và yêu cầu xin ly hôn của chị Th là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

[2]. *Về con chung*: Hội đồng xét xử thấy rằng anh D làm nghề lái xe chở khách, thường xuyên phải đi làm. Theo lời khai của chị Th thì anh D thường phải đón khách từ 23 giờ đêm và đến chiều ngày hôm sau mới về nhà, có những lần phải chở khách đi 2-3 ngày mới về nên ít có điều kiện ở nhà để chăm sóc con chung. Hiện nay chị Th làm nghề uốn tóc ở nhà nên có thời gian, điều kiện chăm sóc con chung tốt hơn anh D. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2017 cháu Phạm Yến Nh và cháu Phạm Thành Tr đều có nguyện vọng ở với chị Th. Do đó, cần giao 02 con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về yêu cầu cấp dưỡng của chị Th, xét thấy chị Th làm nghề uốn tóc và cho vay nên mức thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 20.000.000đồng, tuy nhiên chị Th trực tiếp nuôi 02 con chung và chỉ yêu cầu anh D cấp dưỡng cho cháu Tr 2.000.000 đồng/tháng, theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn ngân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, hơn nữa tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/3/2018 anh D trình bày hiện nay anh làm nghề lái xe thu nhập khoảng 12 – 13 triệu đồng/tháng nên đủ khả năng để cấp dưỡng nuôi con chung và yêu cầu của chị Th cũng phù hợp với nhu cầu sinh hoạt thực tế hiện nay tại địa phương của cháu Tr nên buộc anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Tr 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Tr thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về tài sản chung*: Ngày 06/3/2018 chị Th làm đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản là căn nhà gắn liền thửa đất số 47 và xe ô tô 53S-1XX8. HĐXX xét thấy việc rút yêu cầu nay là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội và anh D cũng đồng ý với việc rút yêu cầu nay của chị Th, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì khác nên cần được chấp nhận. Do vây cần đình chỉ yêu cầu này của chị Th là phù hợp thep quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về nợ chung:*

Ngày 06/3/2018, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Â có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc anh D, chị Th phải trả cho bà số tiền là: 300.000.000 đồng, không tính lãi suất, tại phiên tòa bà yêu cầu anh D, chị Th thanh toán tiền lãi 1% từ ngày 20/3/2018 cho đến ngày xét xử là 5.000.000đồng. HĐXX thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án chị Th và anh D đều thừa nhận hiện nay còn nợ bà Â số tiền là 300.000.000 đồng và xác định đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu

của bà Â là có căn cứ. Do đó buộc anh D và chị Th trả cho bà Ân 300.000.000 đồng được chia phần cho mỗi người là 150.000.000 đồng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu về lãi suất, mặc dù khi vay thì các bên không làm hợp đồng nên không có chứng cứ để xác định vay có lãi, tuy nhiên theo lời khai của bà Â và chị Th thì anh D, chị Th phải trả lãi hàng tháng cho bà Â. Tại phiên tòa chị Th cũng thừa nhận lời khai của bà Â là đúng và từ tháng 3/2018 đến nay do vợ chồng đang làm thủ tục ly hôn nên chưa trả lãi cho bà Â; tại biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2017 anh D trình bày là hàng tháng có trả lãi cho bà Â vì số tiền này là vợ chồng anh D nhờ bà Â vay của Ngân hàng và lãi suất bà Â yêu cầu không vượt quá lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần được chấp nhận.

Đối với khoản nợ vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, do Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5].*Về án phí*: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 37, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Thanh Th.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Thanh Th và anh Phạm Thanh D.

Về con chung: Giao con chung Phạm Yến Nh, sinh ngày 14/6/2004 và Phạm Thành Trí, sinh ngày 11/02/200 cho chị Phan Thị Thanh Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh D phải cấp dưỡng nuôi cháu Tr mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung là căn nhà gắn liền quyền sử dụng thửa đất số 47, tờ bản đồ số 04, diện tích 400m^2 tại xã T(nay là xã TH), huyện H, tỉnh B và một xe ô tô biển kiểm soát 53S-1XX8.

Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Â, buộc anh D và chị Th trả cho bà Â 300.000.000đồng tiền gốc và 5.000.000đồng tiền lãi được chia phần cho mỗi người là 152.500.000 đồng.

Đối với khoản nợ vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, do Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên có nghĩa vụ chậm trả thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất như sau:

Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không vượt quá 20%/năm.

Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất 10%/năm.

Theo quy định khác của pháp luật (nếu có).

2. Về án phí:

- Chị Phan Thị Thanh Th phải chịu tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng và tiền án phí sơ thẩm dân sự là 7.625.000 đồng, tổng cộng là 7.925.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 9.050.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016540 ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Tân, chị Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.125.000 đồng

- Anh Phạm Thanh D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm cấp dưỡng và 7.625.000 đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Â được số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 theo biên lai thu tiến số 0016642 ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Tân.

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai.

4. Án có hiệu lực theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND huyện Hàm Tân;
-THA dân sự huyện Hàm Tân;
-UBND xã Ti;
- Các đương sự;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Anh Dũng